TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NINH BÌNH** TỈNH NINH BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 181/2019/QĐST- HNGĐ	*Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 228/2019/TLST-HNGĐ ngày 28/8/2019 về tranh chấp "*Xin ly hôn và giải quyết nuôi con chung*" giữa:

- **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Mai H, sinh năm 1991;

Trú tại: Số nhà 135, đường V, phố B, phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn**: anh Nguyễn Mạnh L, sinh năm 1991.

Trú tại: Số nhà 135, đường V, phố B, phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Mai H và anh Nguyễn Mạnh L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về các vấn đề sau:

- Về con chung: Chị H và anh L có một con chung là cháu Nguyễn Gia B; sinh ngày: 23/12/2014. Khi ly hôn giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B, anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) kể từ tháng 10/2019 đến khi cháu B trưởng thành. Anh L được quyền thăm nom chăm sóc con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh L đều thống nhất xác định không có tài sản chung, không vay nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh L thống nhất chị H nộp toàn bộ án phí theo quy định pháp luật. Anh L không phải nộp án phí. Tổng số tiền án phí chị H phải nộp là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Ninh Bình, theo biên lai thu số AA/2018/0001250 ngày 27 tháng 8 năm 2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB (1).*
- *VKSND TP. Ninh Bình (3).*
- *CCTHADS TP. Ninh Bình (1).*
- *UBND phường.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

Thẩm phán

(đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy